

**UBND PHƯỜNG HOA LƯ**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC IQ**

**DANH SÁCH PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG NĂM HỌC 2025-2026**

| TT | Họ và tên           | Chức danh nghề nghiệp | Nhiệm vụ được phân công                                     |            | Định mức chính   |                  |                 | So với định mức |       | Số tiết dạy buổi 2 | Tổng số tiết dạy cả 2 buổi | Ghi chú          |
|----|---------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------|-----------------|-----------------|-------|--------------------|----------------------------|------------------|
|    |                     |                       | Nhiệm vụ chính                                              | Kiểm nhiệm | Số tiết thực dạy | Số tiết giảm trừ | Số tiết tính ĐM | Thừa            | Thiếu |                    |                            |                  |
| 1  | Lê Thị Bích Ngọc    | HT                    | Phụ trách các hoạt động giáo dục của trường                 |            |                  |                  |                 |                 |       |                    |                            |                  |
| 2  | Hoàng Thu Chang     | GV                    | CN lớp 1A1, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 7                  | 28                         | Tổ trưởng tổ 1   |
| 3  | Vũ Thị Thảo         | GV                    | CN lớp 1A2, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 7                  | 28                         |                  |
| 4  | Nguyễn T.Phương Chi | GV                    | CN lớp 1A2, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 7                  | 28                         |                  |
| 5  | Nguyễn Như Quỳnh    | GV                    | CN lớp 2A1, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 7                  | 28                         | Tổ phó tổ 2-3    |
| 6  | Mai Thị Thanh Thu   | GV                    | CN lớp 2A2, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 7                  | 28                         |                  |
| 7  | Đinh Thị Kim Thanh  | GV                    | CN lớp 2A1, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN                      |            | 19               |                  | 19              |                 |       | 6                  | 25                         | Tổ trưởng tổ 2-3 |
| 8  | Trịnh Thị Thu       | GV                    | CN lớp 3A2, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN, CN                  |            | 19               |                  | 19              |                 |       | 6                  | 25                         |                  |
| 9  | Dương Thị Thảo Ngọc | GV                    | CN lớp 3A2, dạy TV, T, ĐĐ, TN&XH, HĐTN, CN                  |            | 19               |                  | 19              |                 |       | 6                  | 25                         |                  |
| 10 | Bùi Thị Hường       | GV                    | CN lớp 4A1, dạy TV, ĐĐ, Khoa học, Lịch sử, Địa lý; CN, HĐTN |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 5                  | 26                         | Tổ trưởng tổ 4-5 |
| 11 | Tạ Thị Huệ          | GV                    | CN lớp 4A2, dạy TV, ĐĐ, Khoa học, Lịch sử, Địa lý; CN, HĐTN |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 5                  | 26                         |                  |
| 12 | Nguyễn Thị Giang    | GV                    | CN lớp 4A2, dạy TV, ĐĐ, Khoa học, Lịch sử, Địa lý; CN, HĐTN |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 5                  | 26                         |                  |

| TT                      | Họ và tên           | Chức danh nghề nghiệp | Nhiệm vụ được phân công                                     |            | Định mức chính   |                  |                 | So với định mức |       | Số tiết dạy buổi 2 | Tổng số tiết dạy cả 2 buổi | Ghi chú                                |
|-------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------|------------|------------------|------------------|-----------------|-----------------|-------|--------------------|----------------------------|----------------------------------------|
|                         |                     |                       | Nhiệm vụ chính                                              | Kiểm nhiệm | Số tiết thực dạy | Số tiết giảm trừ | Số tiết tính ĐM | Thừa            | Thiếu |                    |                            |                                        |
| 13                      | Đặng T. Phương Anh  | GV                    | CN lớp 5A1, dạy TV, ĐĐ, Khoa học, Lịch sử, Địa lý; CN, HĐTN |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 5                  | 26                         | Tổ phó tổ 4-5                          |
| 14                      | Đinh T. Phương Anh  | GV                    | CN lớp 5A2, dạy TV, ĐĐ, Khoa học, Lịch sử, Địa lý; CN, HĐTN |            | 21               |                  | 21              |                 |       | 5                  | 26                         |                                        |
| 15                      | Nguyễn Văn Điền     | GV                    | Dạy Tin học lớp 3, 4, 5                                     |            | 14               |                  | 14              |                 |       | 8                  | 22                         | Phụ trách IT- phòng bộ môn- TC sự kiện |
| 16                      | Nguyễn Thị Yến Ngọc | GV                    | Dạy Âm nhạc lớp 1,2,3,4, 5                                  | TPT        | 12               |                  | 12              |                 |       | 5                  | 17                         | Sự kiện                                |
| 17                      | Từ Diệu Linh        | GV                    | Dạy GDTC lớp 1, 2                                           |            | 10               |                  | 10              |                 |       | 3                  | 15                         | Phụ trách HĐ TC                        |
| 18                      | Vũ Quang Anh        | GV                    | Dạy GDTC lớp 3, 4, 5                                        |            | 16               |                  | 16              |                 |       | 3                  | 19                         | Phụ trách CLB Võ, cờ vua               |
| 19                      | Đinh Thị Tuyết      | GV                    | Dạy Mỹ thuật lớp 1, 2, 3, 4, 5                              |            | 13               |                  | 13              |                 |       | 3                  | 16                         | Phụ trách sự kiện                      |
| 20                      | Nguyễn Thị Thùy     | GV TA                 | Dạy tiếng Anh khối 1                                        |            | 6                |                  | 6               |                 |       | 6                  | 12                         | Trợ giảng giải toán TA                 |
| 21                      | Nguyễn Thị Duyên    | GV TA                 | Dạy tiếng Anh khối 2                                        |            | 4                |                  | 4               |                 |       | 6                  | 10                         | Trợ giảng giải toán TA                 |
| 22                      | Phạm Thị Hoa Hậu    | GV TA                 | Dạy tiếng Anh khối 3                                        |            | 12               |                  | 12              |                 |       | 6                  | 18                         | Trợ giảng giải toán TA                 |
| 23                      | Đặng T. Phương Dung | GV TA                 | Dạy tiếng Anh khối 4                                        |            | 12               |                  | 12              |                 |       | 6                  | 18                         | Trợ giảng giải toán TA                 |
| 24                      | Lê Thị Lý           | GV TA                 | Dạy tiếng Anh khối 5                                        |            | 8                |                  | 8               |                 |       | 8                  | 16                         | Trợ giảng giải toán TA                 |
| <b>Cộng toàn trường</b> |                     |                       |                                                             |            | <b>374</b>       |                  | <b>374</b>      |                 |       | <b>132</b>         | <b>506</b>                 |                                        |

Ninh Khánh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

**Hiệu trưởng**

| TT | Họ và tên | Chức danh nghề nghiệp | Nhiệm vụ được phân công |            | Định mức chính   |                  |                 | So với định mức |       | Số tiết dạy buổi 2 | Tổng số tiết dạy cả 2 buổi | Ghi chú |
|----|-----------|-----------------------|-------------------------|------------|------------------|------------------|-----------------|-----------------|-------|--------------------|----------------------------|---------|
|    |           |                       | Nhiệm vụ chính          | Kiểm nhiệm | Số tiết thực dạy | Số tiết giảm trừ | Số tiết tính ĐM | Thừa            | Thiếu |                    |                            |         |


  
**Lê Thị Bích Ngọc**

4  
**QUY ĐỊNH**  
**ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY ĐỐI VỚI CBQL, GV TIỂU HỌC**

**I. ĐỊNH MỨC TIẾT DẠY**

| Đối tượng          | Số tiết phải dạy/tuần |                |                 | Cơ sở pháp lí                                          |
|--------------------|-----------------------|----------------|-----------------|--------------------------------------------------------|
|                    | Trường hạng I         | Trường hạng II | Trường hạng III |                                                        |
| Giáo viên tiểu học | 23                    | 23             | 23              | Điều 6, TT28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GDĐT |
| Giáo viên TPT      | 2                     | 8              | 12              |                                                        |
| Hiệu trưởng        | 2                     | 2              | 2               | Điều 7, TT28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GDĐT |
| Phó Hiệu trưởng    | 4                     | 4              | 4               |                                                        |

**II. ĐỊNH MỨC GIẢM TRỪ KIỂM NHIỆM CHO GIÁO VIÊN**

| Nội dung giảm trừ                                     | Số tiết được giảm/tuần |                |                 | Cơ sở pháp lí                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------|------------------------|----------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       | Trường hạng I          | Trường hạng II | Trường hạng III |                                                                                                                                                              |
| <b>1. Công tác chuyên môn</b>                         |                        |                |                 |                                                                                                                                                              |
| Chủ nhiệm lớp tiểu học                                | 3                      | 3              | 3               | Điều 8, TT28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GDĐT                                                                                                       |
| Chủ nhiệm lớp trường bán trú                          | 4                      | 4              | 4               |                                                                                                                                                              |
| GV phụ trách phòng bộ môn                             | 3                      | 3              | 3               |                                                                                                                                                              |
| GV phụ trách VN, TD                                   | 3                      | 3              | 3               |                                                                                                                                                              |
| Tổ trưởng chuyên môn                                  | 3                      | 3              | 3               |                                                                                                                                                              |
| Tổ phó chuyên môn                                     | 1                      | 1              | 1               | TT15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017                                                                                                                            |
| <b>2. Công tác Đảng, đoàn thể và các tổ chức khác</b> |                        |                |                 |                                                                                                                                                              |
| Bí thư CB                                             | 4                      | 3              | 3               | Điều 9, TT28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009<br><i>Mỗi GV không kiêm nhiệm quá 2 chức vụ, hưởng chế độ giảm định mức của chức vụ có số tiết giảm cao nhất.</i> |
| Chủ tịch, Thư kí HĐ trường                            | 2                      | 2              | 2               |                                                                                                                                                              |
| Trưởng ban TTND                                       | 2                      | 2              | 2               |                                                                                                                                                              |
| Chủ tịch, PCT Công đoàn                               | 4                      | 4              | 4               | Điều 3, TT08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ GDĐT                                                                                                        |
| BCH Công đoàn                                         | 2                      | 2              | 2               |                                                                                                                                                              |
| Tổ trưởng, TP Công đoàn                               | 2                      | 2              | 2               |                                                                                                                                                              |
| <b>3. Đối tượng khác</b>                              |                        |                |                 |                                                                                                                                                              |
| Con nhỏ dưới 12 tháng                                 | 4                      | 4              | 4               | Điều 10, TT28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GDĐT                                                                                                      |
| GV hợp đồng lần đầu                                   | 2                      | 2              | 2               |                                                                                                                                                              |